

Số: 233C / VSTV

V/v báo cáo định kỳ chất lượng dịch vụ

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CHẤT LƯỢNG  
DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH**

Kính gửi: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

**I. Thông tin đơn vị cung cấp dịch vụ:**

- Tên đơn vị cung cấp dịch vụ: CÔNG TY TNHH TRUYỀN HÌNH SỐ VỆ TINH VIỆT NAM (VSTV)

- Địa chỉ: Tầng 15, Tháp A, tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.62726600

Fax: 024.37714781

Website: www.kplus.vn

Email: kplus@vstv.vn

- Loại hình và phương thức dịch vụ cung cấp (đánh dấu ✓ vào ô trống phù hợp)

| Tên dịch vụ                                | Truyền hình<br>quảng bá  | Truyền hình<br>trả tiền             |
|--------------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------|
| Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số    | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            |
| Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            |
| Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số       | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            |
| Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV     | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            |
| Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh            | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Dịch vụ truyền hình di động                | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>            |

|                                                    |                          |                          |
|----------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| ...                                                |                          |                          |

## II. Thời gian báo cáo: (Đánh dấu ✓ vào ô trống phù hợp)

Năm: 2020

- Báo cáo định kỳ lần 1 cho 6 tháng đầu năm (số liệu báo cáo từ 1/1 - 30/6) ☐
- Báo cáo định kỳ lần 2 cho 6 tháng cuối năm (số liệu báo cáo từ 1/7 - 31/12) ☒

## III. Nội dung báo cáo:

### 1. Chấp hành các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ:

(Chấp hành: Đánh dấu ✓; Chưa chấp hành: Đánh dấu x)

- Thực hiện công bố chất lượng theo quy định ☒
- Xây dựng mục quản lý chất lượng trên website ☒

Đường liên kết (link) đến mục quản lý chất lượng: <https://www.kplus.vn/ho-tro/quan-ly-chat-luong-dich-vu>

- Ban hành quy chế tự kiểm tra ☒
- Thực hiện giám sát dịch vụ thường xuyên ☒
- Thực hiện đo kiểm định kỳ ☒

### 2. Kết quả đo kiểm chất lượng dịch vụ

(Chi tiết như danh sách dưới đây)

### Kết quả đo kiểm chất lượng dịch vụ số 1

- Đơn vị thực hiện đo kiểm: Phòng Kỹ thuật – Công ty TNHH Truyền hình số vệ tinh Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 15, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

- Thời gian thực hiện đo kiểm: 22/06/2020

- Địa điểm đo kiểm: Vĩnh Phúc (Đài Phát Lên Vệ Tinh Vĩnh Yên, Thôn Mậu Lâm, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

**Dịch vụ:** Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 1 mẫu/tỉnh thành

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 4 mẫu (mỗi mẫu ứng với 1 tần số transponder đang sử dụng)

| STT | Tên chỉ tiêu                                           | Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia) | Mức công bố                                                                                                                                                                           | Kết quả đo kiểm trung bình |            | Ghi chú           |
|-----|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------|-------------------|
| 1   | Tỷ số Eb/No                                            | QCVN79: 2014/BTTTT                                                         | DVB-S: Eb/No (dB) với BER $\leq 2 \times 10^{-4}$ trước giải mã RS với QPSK FEC 5/6: 6.0<br>DVB-S2: Eb/No (dB) với BER $\leq 2 \times 10^{-4}$ trước giải mã RS với 8PSK FEC 3/4: 4.4 | Tần số                     | Giá trị đo | Đáp ứng quy chuẩn |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11549 MHz                  | 12.64      |                   |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11589 MHz                  | 11.59      |                   |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11629 MHz                  | 12.69      |                   |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11669 MHz                  | 16.22      |                   |
| 2   | Mức công suất tín hiệu (dBm) tại máy thu DVB-S, DVB-S2 | QCVN79: 2014/BTTTT                                                         | Giá trị thấp nhất: -60<br>Giá trị cao nhất: -25                                                                                                                                       | Tần số                     | Giá trị đo | Đáp ứng quy chuẩn |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11549 MHz                  | -42        |                   |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11589 MHz                  | -41        |                   |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11629 MHz                  | -39        |                   |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11669 MHz                  | -45        |                   |

Đ. N. :  
CÔ  
ÁCH NH  
UYỄN  
VỆ  
VIỆT  
PH

### Kết quả đo kiểm chất lượng dịch vụ số 2

- Đơn vị thực hiện đo kiểm: Phòng Kỹ thuật – Công ty TNHH Truyền hình số vệ tinh Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 15, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

- Thời gian thực hiện đo kiểm: 23/06/2020

- Địa điểm đo kiểm: Hà Nội (Tầng 16, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội).

**Dịch vụ:** Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 1 mẫu/tỉnh thành

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 4 mẫu (mỗi mẫu ứng với 1 tần số transponder đang sử dụng)

| STT | Tên chỉ tiêu                                           | Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia<br>(số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia) | Mức công bố                                                                                                                                                                           | Kết quả đo kiểm trung bình |            | Ghi chú           |
|-----|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------|-------------------|
| 1   | Tỷ số<br>Eb/No                                         | QCVN79:<br>2014/BTTTT                                                         | DVB-S: Eb/No (dB) với BER $\leq 2 \times 10^{-4}$ trước giải mã RS với QPSK FEC 5/6: 6.0<br>DVB-S2: Eb/No (dB) với BER $\leq 2 \times 10^{-4}$ trước giải mã RS với 8PSK FEC 3/4: 4.4 | Tần số                     | Giá trị đo | Đáp ứng quy chuẩn |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                       | 11549 MHz                  | 12.59      |                   |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                       | 11589 MHz                  | 12.39      |                   |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                       | 11629 MHz                  | 12.39      |                   |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                       | 11669 MHz                  | 16.21      |                   |
| 2   | Mức công suất tín hiệu (dBm) tại máy thu DVB-S, DVB-S2 | QCVN79:<br>2014/BTTTT                                                         | Giá trị thấp nhất: -60<br>Giá trị cao nhất: -25                                                                                                                                       | Tần số                     | Giá trị đo | Đáp ứng quy chuẩn |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                       | 11549 MHz                  | -41        |                   |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                       | 11589 MHz                  | -40        |                   |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                       | 11629 MHz                  | -41        |                   |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                       | 11669 MHz                  | -43        |                   |



### Kết quả đo kiểm chất lượng dịch vụ số 3

- Đơn vị thực hiện đo kiểm: Phòng Kỹ thuật – Công ty TNHH Truyền hình số vệ tinh Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 15, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

- Thời gian thực hiện đo kiểm: 26/06/2020

- Địa điểm đo kiểm: Thành phố Hồ Chí Minh (K+ Store, 26 Cao Thắng, Phường 5, Quận 3, Hồ Chí Minh).

**Dịch vụ:** Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 1 mẫu/tỉnh thành

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 4 mẫu (mỗi mẫu ứng với 1 tần số transponder đang sử dụng)

| STT | Tên chỉ tiêu                                           | Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia) | Mức công bố                                                                                                                                                                           | Kết quả đo kiểm trung bình |            | Ghi chú           |
|-----|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------|-------------------|
| 1   | Tỷ số Eb/No                                            | QCVN79: 2014/BTTTT                                                         | DVB-S: Eb/No (dB) với BER $\leq 2 \times 10^{-4}$ trước giải mã RS với QPSK FEC 5/6: 6.0<br>DVB-S2: Eb/No (dB) với BER $\leq 2 \times 10^{-4}$ trước giải mã RS với 8PSK FEC 3/4: 4.4 | Tần số                     | Giá trị đo | Đáp ứng quy chuẩn |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11549 MHz                  | 12.29      |                   |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11589 MHz                  | 13.59      |                   |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11629 MHz                  | 12.19      |                   |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11669 MHz                  | 14.51      |                   |
| 2   | Mức công suất tín hiệu (dBm) tại máy thu DVB-S, DVB-S2 | QCVN79: 2014/BTTTT                                                         | Giá trị thấp nhất: -60<br>Giá trị cao nhất: -25                                                                                                                                       | Tần số                     | Giá trị đo | Đáp ứng quy chuẩn |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11549 MHz                  | -40        |                   |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11589 MHz                  | -41        |                   |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11629 MHz                  | -44        |                   |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11669 MHz                  | -42        |                   |

#### Kết quả đo kiểm chất lượng dịch vụ số 4

- Đơn vị thực hiện đo kiểm: Phòng Kỹ thuật – Công ty TNHH Truyền hình số vệ tinh Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 15, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

- Thời gian thực hiện đo kiểm: 28/06/2020

- Địa điểm đo kiểm: Thành phố Đà Nẵng (K+ Store, 68 Nguyễn Văn Linh, P. Nam Dương, Hải Châu, Đà Nẵng).

**Dịch vụ:** Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 1 mẫu/tỉnh thành

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 4 mẫu (mỗi mẫu ứng với 1 tần số transponder đang sử dụng)

| STT | Tên chỉ tiêu                                           | Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia<br>(số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia) | Mức công bố                                                                                                                                                                           | Kết quả đo kiểm trung bình |            | Ghi chú           |
|-----|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------|-------------------|
| 1   | Tỷ số<br>Eb/No                                         | QCVN79:<br>2014/BTTTT                                                         | DVB-S: Eb/No (dB) với BER $\leq 2 \times 10^{-4}$ trước giải mã RS với QPSK FEC 5/6: 6.0<br>DVB-S2: Eb/No (dB) với BER $\leq 2 \times 10^{-4}$ trước giải mã RS với 8PSK FEC 3/4: 4.4 | Tần số                     | Giá trị đo | Đáp ứng quy chuẩn |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                       | 11549 MHz                  | 12.29      |                   |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                       | 11589 MHz                  | 13.79      |                   |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                       | 11629 MHz                  | 11.59      |                   |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                       | 11669 MHz                  | 14.91      |                   |
| 2   | Mức công suất tín hiệu (dBm) tại máy thu DVB-S, DVB-S2 | QCVN79:<br>2014/BTTTT                                                         | Giá trị thấp nhất: -60<br>Giá trị cao nhất: -25                                                                                                                                       | Tần số                     | Giá trị đo | Đáp ứng quy chuẩn |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                       | 11549 MHz                  | -41        |                   |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                       | 11589 MHz                  | -38        |                   |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                       | 11629 MHz                  | -42        |                   |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                       | 11669 MHz                  | -44        |                   |

### Kết quả đo kiểm chất lượng dịch vụ số 5

- Đơn vị thực hiện đo kiểm: Phòng Kỹ thuật – Công ty TNHH Truyền hình số vệ tinh Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 15, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

- Thời gian thực hiện đo kiểm: 31/06/2020

- Địa điểm đo kiểm: Thành phố Cần Thơ (K+ Store, 70 Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, TP Cần Thơ, Ninh Kiều, Cần Thơ).

**Dịch vụ:** Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 1 mẫu/tỉnh thành

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 4 mẫu (01 mẫu ứng với 1 tần số transponder đang sử dụng)

| STT | Tên chỉ tiêu                                           | Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia) | Mức công bố                                                                                                                                                                           | Kết quả đo kiểm trung bình |            | Ghi chú           |
|-----|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------|-------------------|
| 1   | Tỷ số Eb/No                                            | QCVN79: 2014/BTTTT                                                         | DVB-S: Eb/No (dB) với BER $\leq 2 \times 10^{-4}$ trước giải mã RS với QPSK FEC 5/6: 6.0<br>DVB-S2: Eb/No (dB) với BER $\leq 2 \times 10^{-4}$ trước giải mã RS với 8PSK FEC 3/4: 4.4 | Tần số                     | Giá trị đo | Đáp ứng quy chuẩn |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11549 MHz                  | 12.79      |                   |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11589 MHz                  | 13.69      |                   |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11629 MHz                  | 11.49      |                   |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11669 MHz                  | 14.31      |                   |
| 2   | Mức công suất tín hiệu (dBm) tại máy thu DVB-S, DVB-S2 | QCVN79: 2014/BTTTT                                                         | Giá trị thấp nhất: -60<br>Giá trị cao nhất: -25                                                                                                                                       | Tần số                     | Giá trị đo | Đáp ứng quy chuẩn |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11549 MHz                  | -42        |                   |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11589 MHz                  | -43        |                   |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11629 MHz                  | -40        |                   |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11669 MHz                  | -43        |                   |



### Kết quả đo kiểm chất lượng dịch vụ số 6

- Đơn vị thực hiện đo kiểm: Phòng Kỹ thuật – Công ty TNHH Truyền hình số vệ tinh Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 15, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

- Thời gian thực hiện đo kiểm: 04/07/2020

- Địa điểm đo kiểm: Thành phố Bình Dương (K+ Store, Số 517 Đại lộ Bình Dương, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương).

**Dịch vụ:** Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 1 mẫu/tỉnh thành

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 4 mẫu (01 mẫu ứng với 1 tần số transponder đang sử dụng)

| STT | Tên chỉ tiêu                                           | Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia<br>(số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia) | Mức công bố                                                                                                                                                                               | Kết quả đo kiểm trung bình |            | Ghi chú           |
|-----|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------|-------------------|
| 1   | Tỷ số<br>Eb/No                                         | QCVN79:<br>2014/BTTTT                                                         | DVB-S: Eb/No (dB) với BER $\leq 2 \times 10^{-4}$ trước giải mã RS với QPSK FEC 5/6: 6.0<br><br>DVB-S2: Eb/No (dB) với BER $\leq 2 \times 10^{-4}$ trước giải mã RS với 8PSK FEC 3/4: 4.4 | Tần số                     | Giá trị đo | Đáp ứng quy chuẩn |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                           | 11549 MHz                  | 11.49      |                   |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                           | 11589 MHz                  | 14.69      |                   |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                           | 11629 MHz                  | 11.89      |                   |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                           | 11669 MHz                  | 14.51      |                   |
| 2   | Mức công suất tín hiệu (dBm) tại máy thu DVB-S, DVB-S2 | QCVN79:<br>2014/BTTTT                                                         | Giá trị thấp nhất: -60<br><br>Giá trị cao nhất: -25                                                                                                                                       | Tần số                     | Giá trị đo | Đáp ứng quy chuẩn |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                           | 11549 MHz                  | -40        |                   |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                           | 11589 MHz                  | -42        |                   |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                           | 11629 MHz                  | -41        |                   |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                           | 11669 MHz                  | -43        |                   |



### Kết quả đo kiểm chất lượng dịch vụ số 7

- Đơn vị thực hiện đo kiểm: Phòng Kỹ thuật – Công ty TNHH Truyền hình số vệ tinh Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 15, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

- Thời gian thực hiện đo kiểm: 07/07/2020

- Địa điểm đo kiểm: Đồng Nai (K+ Store, Số 244, Phạm Văn Thuận, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai).

**Dịch vụ:** Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 1 mẫu/tỉnh thành

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 4 mẫu (01 mẫu ứng với 1 tần số transponder đang sử dụng)

| STT | Tên chỉ tiêu                                           | Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia) | Mức công bố                                                                                                                                                                           | Kết quả đo kiểm trung bình |            | Ghi chú           |
|-----|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------|-------------------|
| 1   | Tỷ số Eb/No                                            | QCVN79: 2014/BTTTT                                                         | DVB-S: Eb/No (dB) với BER $\leq 2 \times 10^{-4}$ trước giải mã RS với QPSK FEC 5/6: 6.0<br>DVB-S2: Eb/No (dB) với BER $\leq 2 \times 10^{-4}$ trước giải mã RS với 8PSK FEC 3/4: 4.4 | Tần số                     | Giá trị đo | Đáp ứng quy chuẩn |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11549 MHz                  | 11.59      |                   |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11589 MHz                  | 13.49      |                   |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11629 MHz                  | 12.39      |                   |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11669 MHz                  | 14.71      |                   |
| 2   | Mức công suất tín hiệu (dBm) tại máy thu DVB-S, DVB-S2 | QCVN79: 2014/BTTTT                                                         | Giá trị thấp nhất: -60<br>Giá trị cao nhất: -25                                                                                                                                       | Tần số                     | Giá trị đo | Đáp ứng quy chuẩn |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11549 MHz                  | -40        |                   |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11589 MHz                  | -42        |                   |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11629 MHz                  | -40        |                   |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11669 MHz                  | -44        |                   |

### Kết quả đo kiểm chất lượng dịch vụ số 8

- Đơn vị thực hiện đo kiểm: Phòng Kỹ thuật – Công ty TNHH Truyền hình số vệ tinh Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 15, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

- Thời gian thực hiện đo kiểm: 14/07/2020

- Địa điểm đo kiểm: Thành phố Hải Phòng (K+ Store, Số 204A Tô Hiệu, Phường Trại Cau, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng).

**Dịch vụ:** Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 1 mẫu/tỉnh thành

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 4 mẫu (01 mẫu ứng với 1 tần số transponder đang sử dụng)

| STT | Tên chỉ tiêu                                           | Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia<br>(số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia) | Mức công bố                                                                                                                                                                               | Kết quả đo kiểm trung bình |            | Ghi chú           |
|-----|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------|-------------------|
| 1   | Tỷ số<br>Eb/No                                         | QCVN79:<br>2014/BTTTT                                                         | DVB-S: Eb/No (dB) với BER $\leq 2 \times 10^{-4}$ trước giải mã RS với QPSK FEC 5/6: 6.0<br><br>DVB-S2: Eb/No (dB) với BER $\leq 2 \times 10^{-4}$ trước giải mã RS với 8PSK FEC 3/4: 4.4 | Tần số                     | Giá trị đo | Đáp ứng quy chuẩn |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                           | 11549 MHz                  | 11.49      |                   |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                           | 11589 MHz                  | 12.59      |                   |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                           | 11629 MHz                  | 14.69      |                   |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                           | 11669 MHz                  | 12.71      |                   |
| 2   | Mức công suất tín hiệu (dBm) tại máy thu DVB-S, DVB-S2 | QCVN79:<br>2014/BTTTT                                                         | Giá trị thấp nhất: -60<br><br>Giá trị cao nhất: -25                                                                                                                                       | Tần số                     | Giá trị đo | Đáp ứng quy chuẩn |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                           | 11549 MHz                  | -38        |                   |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                           | 11589 MHz                  | -41        |                   |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                           | 11629 MHz                  | -38        |                   |
|     |                                                        |                                                                               |                                                                                                                                                                                           | 11669 MHz                  | -42        |                   |

### Kết quả đo kiểm chất lượng dịch vụ số 9

- Đơn vị thực hiện đo kiểm: Phòng Kỹ thuật – Công ty TNHH Truyền hình số vệ tinh Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 15, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

- Thời gian thực hiện đo kiểm: 14/07/2020

- Địa điểm đo kiểm: Quảng Ninh (K+ Store, Số 803 đường Lê Thánh Tông, Phường Bạch Đằng, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh).

**Dịch vụ:** Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 1 mẫu/tỉnh thành

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 4 mẫu (01 mẫu ứng với 1 tần số transponder đang sử dụng)

| STT | Tên chỉ tiêu                                           | Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia) | Mức công bố                                                                                                                                                                           | Kết quả đo kiểm trung bình |            | Ghi chú           |
|-----|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------|-------------------|
| 1   | Tỷ số Eb/No                                            | QCVN79: 2014/BTTTT                                                         | DVB-S: Eb/No (dB) với BER $\leq 2 \times 10^{-4}$ trước giải mã RS với QPSK FEC 5/6: 6.0<br>DVB-S2: Eb/No (dB) với BER $\leq 2 \times 10^{-4}$ trước giải mã RS với 8PSK FEC 3/4: 4.4 | Tần số                     | Giá trị đo | Đáp ứng quy chuẩn |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11549 MHz                  | 13.15      |                   |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11589 MHz                  | 11.67      |                   |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11629 MHz                  | 12.42      |                   |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11669 MHz                  | 13.51      |                   |
| 2   | Mức công suất tín hiệu (dBm) tại máy thu DVB-S, DVB-S2 | QCVN79: 2014/BTTTT                                                         | Giá trị thấp nhất: -60<br>Giá trị cao nhất: -25                                                                                                                                       | Tần số                     | Giá trị đo | Đáp ứng quy chuẩn |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11549 MHz                  | -41        |                   |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11589 MHz                  | -40        |                   |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11629 MHz                  | -43        |                   |
|     |                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                       | 11669 MHz                  | -45        |                   |

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- PTGD.
- Lưu: VT, PL, KT

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2020  
Công ty TNHH Truyền hình số Vệ tinh Việt Nam



LÊ CHÍ CÔNG

*Lưu ý: Kết quả đo kiểm theo từng tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.*

